

PHỤ LỤC
CHUYỂN NGUỒN VÀ NHIỆM VỤ CHI NĂM 2023 SANG THỰC HIỆN NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 409/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND huyện Như Xuân)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng		172,421,536,336	
A	Chuyển nguồn năm 2023 sang thực hiện năm 2024		149,326,795,516	
I	Vốn tạm ứng đầu tư phát triển		70,704,494,352	
1	Chương trình Nông thôn mới (00492)		745,632,000	
-	Đường GTNT xã Xuân Bình	7992754	26,718,000	
-	Đường giao thông nông thôn xã Thanh Xuân: Tuyến 1 từ nhà ông Huynh đi xóm Xá thôn Thanh Thủy, Tuyến 2 Nậm Đăm thôn Thanh Thủy	8045071	503,874,000	
-	Công trình nước sạch tập trung xã Thượng Ninh	8042140	14,000,000	
-	Khu trung tâm thể thao xã Thượng Ninh	8068280	57,396,000	
-	Cải tạo, nâng cấp hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông tại điểm du lịch đã được quy hoạch là Đền Chín gian, xã Thanh Quân	8068760	90,000,000	
-	Đường GTNT xã Thanh Phong đoạn Nả Cò, thôn Tân Phong đi thôn Hai Huân, Thanh Phong	7976922	31,920,000	
-	Đường giao thông nông thôn xã Thanh Quân đoạn thôn Lâu Quán và đoạn Kê Lạn đi Thanh Tiến, Thanh Quân	7982722	21,724,000	
2	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		2,623,111,000	
2.1	Vốn đầu tư		2,579,646,000	
-	DA1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (00511)		170,026,000	
	Nước sinh hoạt tập trung thôn Thanh Đồng, Thanh Xuân	8053495	61,546,000	
	Nước sinh hoạt tập trung thôn Tân Hiệp, Thanh Hòa	8053493	55,267,000	
	Nước sinh hoạt tập trung thôn Đồng Phổng, Thanh Xuân	8053494	53,213,000	
-	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐBDTTS và MN (00514)		1,996,327,000	
	Xây dựng kênh mương các thôn : Đồng Chạng, Đồng Sán, Quăn 1, Kê Mạnh 1, Hón Tinh xã Thanh Sơn	8035397	677,000,000	
	Đường GT thôn Tân Thành, xã Thanh Hòa (Từ nhà ông Lương Văn Chiêu đi đường liên xã)	8035145	340,000,000	
	Nhà Văn Hóa Thôn Chiềng Cà, xã Thanh Quân	8035146	294,347,000	
	Nhà Văn Hóa Thôn Thanh Tân, xã Thanh Quân	8035164	236,345,000	
	Đường GT thôn Tân Sơn, xã Tân Bình (Đoạn 1: từ nhà văn hóa đi dốc Nậm; đoạn 2: từ nhà ông Hà Văn Tuyên đi nhà Ông Ngân Tùng Phương; Đoạn 3: từ nhà ông Lương Văn Cường đi nhà ông Hà Văn Hoàng; Đoạn 4: từ nhà ông Vi Văn Thưởng đi nhà ông Vi Văn Tứ) nay đổi thành Từ nhà văn hóa đi dốc Nậm	8053496	176,000,000	
	Nhà Văn Hóa Thôn Đồng Trinh, xã Xuân Hòa	8035150	143,160,000	
	Sửa chữa trạm y tế xã Thanh Quân	8035153	20,341,000	
	Đường giao thông từ thôn 3, xã Bai Tranh đi thôn Sim xã Xuân Bình	8035154	109,134,000	
-	Dự án 5: Đổi mới hoạt động cùng cố phát triển các trường PT DTNT, trường PTDT bán trú, PT có học sinh bán trú (00515)		400,000,000	
	Trường TH&THCS DTBT Bình Lương	8035399	400,000,000	
-	DA6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch (00516)		13,293,000	
	Công trình phụ trợ Nhà Văn Hóa - Khu thể thao thôn Tân Sơn, xã Tân Bình	8035157	13,293,000	
2.2	Vốn sự nghiệp		43,465,000	
-	DA4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất,, đời sống trong vùng ĐBDTTS và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực dân tộc (00514)		43,465,000	

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Số tiền	Ghi chú
	<i>Tiểu DA1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất,, đời sống trong vùng ĐBDTTS và miền núi</i>		43,465,000	
	++++ Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường giao thông xã Thanh Quân	8035162	43,465,000	
3	Vốn ngân sách tỉnh bổ sung		53,407,531,749	
-	Sửa chữa Hồ Thanh Vân, xã Cát Tân	7981288	200,192,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đồng Hâm, thị trấn Yên Cát	7981287	190,599,000	
-	Sửa chữa nâng cấp hồ Tả Kếng, xã Tân Bình	8039160	1,268,353,000	
-	Hồ Đồng Giang (Đồng Cùm) xã Thượng Ninh	7963434	190,849,000	
-	Nhà công vụ cơ quan UBND huyện	8019389	188,409,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Hồ Bừa Rằm xã Cát Vân	8039155	2,006,870,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Hồ Đồng Cùm, xã Cát Tân	8039157	1,982,763,000	
-	XD hệ thống thoát nước tuyến đường nối đường Thượng Ninh- cát Tân đi đường HCM, Thượng Ninh	8048512	19,729,000	
-	Sửa chữa tuyến đường GT từ thôn 10 đi Làng Má, Bãi Trành	8062048	3,385,000,000	
-	Đầu tư cơ sở hạ tầng trường MN Cát Vân	8049910	909,000,000	
-	Tuyến trách ngập đường tỉnh 520B đoạn qua xã Hóa Quỳnh	8027481	11,175,420,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Vân Trung, xã Cát Vân đi xã Hóa Quỳnh	8030227	17,380,000,000	
-	Xây dựng trường MN Thanh Phong; HM: Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các hạng mục phụ trợ khác	8043951	2,050,000,000	
-	Xây dựng trường MN Xuân Hòa; HM: Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà hiệu bộ 2 tầng kết hợp phòng học chức năng và phòng thể chất, nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ khác	8023254	300,000,000	
	Đường Giao thông Bình Lương đi thôn Thanh Xuân, xã Hóa Quỳnh	8037344	2,866,152,000	
-	Sửa chữa, khắc phục công trình đường GT Hóa Quỳnh	8032048	1,088,208,000	
-	Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông tuyến đường D1/K7 Thanh Quân - Châu Hội	8032049	4,889,247,000	
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Quăn xã Thanh Sơn đi thôn Kê Lan, Thanh Quân	8045759	150,000,000	
-	Trường THCS Bãi Trành: Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, nhà vệ sinh học sinh, nhà hiệu bộ 2 tầng kết hợp phòng chức năng và các công trình phụ trợ	8035400	1,830,852,000	
	Cải tạo, nâng cấp hồ Ba Mái, Xuân Hòa	7928759	1,320,130,749	
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Xuân Quỳnh - Thanh Lâm - Thanh Xuân	7496709	15,758,000	
4	Ngân sách huyện		13,928,219,603	
-	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà lớp học kết hợp phòng học bộ môn, nhà công vụ trường THCS Thanh Sơn, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh	7953134	196,226,000	
-	Nâng cấp cải tạo đường Thanh Niên, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8027480	3,672,734,000	
-	Sửa chữa, nâng cấp đập Bai Tuận, xã Thanh Quân, huyện Như	8037348	400,000,000	
-	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Yên Lễ, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	8006283	58,301,000	
-	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm GDNN-GDTX huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hóa:HM: Sơn nhà lớp học, Tường rào, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ trợ khác	8027483	67,937,000	
-	Nâng cấp trường mầm non Thanh Quân, Huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng	8027485	200,000,000	
-	Nâng cấp, cải tạo Trường mầm non Hóa Quỳnh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa: Hạng mục nhà hiệu bộ 2 tầng 6 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy	8038684	490,454,000	
-	Nâng cấp, cải tạo trường Tiểu học Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, công trình phòng cháy, chữa cháy và công trình phụ trợ	8038882	420,047,000	
-	Nâng cấp, cải tạo Trường TH và THCS Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa: Hạng mục nhà hiệu bộ 2 tầng 6 phòng, công trình Phòng cháy chữa cháy	8039159	647,420,000	

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Số tiền	Ghi chú
-	Nâng cấp Trường Tiểu học Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa: Hạng mục Nhà hiệu bộ, phòng chức năng 2 tầng 8 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy	8042838	1,969,000,000	
-	Nâng cấp, cải tạo Trường TH Thanh Sơn huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa: Hạng mục nhà hiệu bộ 2 tầng 8 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy, cổng tường rào và các công trình phụ trợ	8045699	1,026,964,000	
-	Công trình phòng cháy chữa cháy Trường THCS Thanh Phong, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà lớp học 2 tầng 6 phòng.	8046459	271,880,000	
-	Công trình phòng cháy chữa cháy Trường MN Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng số 1, Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng số 2.	8046460	310,686,000	
-	Công trình phòng cháy chữa cháy Trường THCS Thượng Ninh. Hạng mục: Nhà lớp học chức năng 2 tầng.	8046461	239,880,000	
-	Công trình phòng cháy chữa cháy trường Tiểu học Thanh Xuân, Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	8046462	236,673,000	
-	Công trình phòng cháy chữa cháy trường mầm non Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng	8046463	271,932,000	
-	Công trình phòng cháy chữa cháy Trường MN Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8046464	243,057,000	
-	Công trình phòng cháy chữa cháy trường mầm non Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng chức năng	8046465	244,090,000	
-	Công trình phòng cháy chữa cháy trường THCS Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà chức năng 2 tầng 4 phòng	8046466	205,640,000	
-	Cải tạo Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Tường rào, sân thể thao, rãnh thoát nước	8023253	196,748,000	
-	Xử lý khẩn cấp hồ Cây Phay xã Cát Tân	7898799	152,331,000	
-	Công bản Đồng Cầu xã Thượng Ninh	7989668	17,645,523	
-	Hỗ trợ bổ sung để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư thôn Thanh Tiến- xã Thanh Quân	8010427	133,284,000	
-	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu dân cư Thác Đồng Quan xã Hóa Qùy, Hạng mục: San nền và hạ tầng giao thông	8011430	53,714,000	
-	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đô thị Thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Giao thông, thoát nước (Giai	8011699	190,009,000	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị thị trấn Yên Cát huyện Như Xuân; hạng mục: Lát vỉa hè (giai đoạn 1)	8011706	61,959,000	
-	Đường GT khu phố Lúng đi khu phố Trung Thành, thị trấn Yên Cát huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8030229	63,641,300	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trung tâm xã, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8037795	106,976,000	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thác Đồng Quan, xã Hóa Qùy, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá	8042603	415,000,000	
-	Công trình pccc và hệ thống xử lý nước thải lỏng cơ bản cho phòng khám đa khoa khu vực Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. HM: Nhà khám bệnh, khu điều trị và phụ trợ	8046467	308,341,000	
-	Hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư xã Hóa Qùy, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8049911	753,380,000	
-	Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động chung tại cơ quan Huyện ủy, Huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8027154	14,005,000	
-	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở huyện Như Xuân	8067916	56,614,000	
-	Nâng cấp đường Thăng Lộc đi khu rác thải thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân	7963436	39,379,000	
-	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa Đình Thi, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân	7963438	145,000,000	
-	Di chuyển đường dây 0.4kv nằm trong mặt bằng xây dựng chợ mới yên cát và đường dây 35kv nằm trong mặt bằng dân cư	7712982	18,706,000	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Làng Cống, xã Thanh Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	7949935	28,565,780	

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Số tiền	Ghi chú
II	Chương trình Mục tiêu quốc gia		4,130,896,106	
1	Chương trình Nông thôn mới		1,338,051,106	
1.1	Vốn đầu tư (00492)		1,319,343,106	
-	Đường Giao thông làng Gió đi Làng Sao (Đoàn từ nhà ông Trương Văn Huệ (Làng Gió) đến nhà ông Lê Khắc Tăng (Làng Sao)	8068786	377,311,000	
-	Khu trung tâm thể thao xã Thượng Ninh	8068280	355,975,145	
-	Nâng cấp mở rộng đường giao thông khu trung tâm đoạn tại thôn Nghịu xã Xuân Hòa	8068761	389,749,000	
-	Cải tạo, nâng cấp hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông tại điểm du lịch đã được quy hoạch là Đền Chín gian, xã Thanh Quân	8068760	108,974,000	
-	Đường giao thông nông thôn xã Thanh Quân đoạn thôn Lâu Quán và đoạn Kê Lạn đi Thanh Tiến, Thanh Quân	7982722	42,634,000	
-	Đường Giao thông Thăng Lộc đi Làng Gió: Đoạn Mỏ đá đến đường tỉnh Lộ 520C (Km2+680), Bình Lương	7982723	24,511,000	
-	Mở rộng đường, xây dựng rãnh thoát nước Đường Bình Lương -Yên Cát : Đoạn trạm Y tế xã Bình Lương đến khu phố 1 Thị trấn Yên Cát, Bình Lương	7982724	20,188,961	
1.2	Vốn sự nghiệp Trung ương		18,708,000	
-	Duy tu bảo dưỡng các công trình đầu tư thuộc Chương trình NTM: Duy tu đường giao thông thôn 1 đi thôn Hồ xã Bãi Trành (00492)	8046913	18,708,000	
2	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		2,238,055,000	
2.1	Vốn đầu tư		886,000,000	
-	DA6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (00516)		163,000,000	
-	DA10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KTXH và đảm bảo an ninh trị tự vùng ĐBDTTS và MN (00521)		723,000,000	
2.2	Vốn sự nghiệp		1,352,055,000	
-	DA4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất,, đời sống trong vùng ĐBDTTS và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực dân tộc (00514)		107,550,000	
	<i>Tiểu DA1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất,, đời sống trong vùng ĐBDTTS và miền núi</i>		107,550,000	
	++++ Hỗ trợ trang thiết bị trạm y tế cho Văn phòng HĐND và UBND huyện		107,550,000	
-	DA5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (00515)		1,198,205,000	
	<i>Tiểu DA2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng DTTS và MN</i>		62,205,000	
	++++ Phòng Nội vụ		62,205,000	
	<i>Tiểu DA3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN</i>		1,136,000,000	
	+++++Ban Quản lý thực hiện các tiểu DA PTDGNN vùng nghèo, vùng KK (Phòng LĐ)		1,136,000,000	
-	DA8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (00518)		46,300,000	
	Hội Phụ nữ		46,300,000	
3	Chương trình giảm nghèo		554,790,000	
3.1	Vốn sự nghiệp		554,790,000	
-	DA3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (00473)		245,790,000	
	<i>Tiểu DA2: Cải thiện dinh dưỡng</i>		245,790,000	
	Văn phòng HĐND và UBND		245,790,000	
-	DA4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (00474)		272,000,000	

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Số tiền	Ghi chú
	<i>Tiểu DA1: Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn</i>		272,000,000	
	<i>Ban quản lý chương trình MTQG Như Xuân (Phòng lđ)</i>		272,000,000	
-	DA7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình (00477)		37,000,000	
	<i>Tiểu DA2: giám sát, đánh giá</i>		37,000,000	
	<i>Phòng Lao động TBXH</i>		37,000,000	
III	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng, trợ cấp một lần và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội		10,000,413,943	
1	Kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hòa táng		34,025,000	
2	Bảo trợ xã hội		1,868,371,000	
3	Tiền điện hộ nghèo		1,211,245,000	
4	Kinh phí hỗ trợ 60% chênh lệch mức thu học phí học kỳ I năm học 2022-2023		108,450,000	
5	Bảo hiểm y tế		6,141,456,000	
6	Chế độ học sinh bán trú theo ND 116/2016		134,288,000	
7	Chế độ cấp bù miễn giảm học phí		455,850,000	
8	Thực hiện cải cách tiền lương		46,728,943	
-	Trường TH Thanh Xuân		3,772,000	
-	Trường THCS Thanh Xuân		7,225,000	
-	Trường THCS Hóa Qùy		2,560,000	
-	Trường THCS Thanh Sơn		1,183,543	
-	Văn phòng HDND huyện		24,192,000	
-	Trường MN Cát Văn		928,000	
	Trường MN Hóa Qùy		1,806,000	
	Trường MN Yên Cát		1,248,000	
-	Trường MN Cát Tân		3,814,400	
IV	Kinh phí tự chủ của các đơn vị		328,747,242	
1	Trường TH Thanh Sơn		1,022,853	
2	Trường THCS Thanh Xuân		108,857,989	
3	Trường PTDT nội trú		218,866,400	
V	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9/2023		63,815,416,873	
1	Trường MN Cát Tân		1,760,000	
2	Trường TH Thanh Lâm		165,000,000	
3	Trường TH Bãi Trành		165,000,000	
4	Trường TH Thanh Xuân		165,000,000	
5	Văn phòng HDND và UBND huyện		111,521,873	
6	Văn phòng HDND huyện		20,000,000	
7	Trường PTDT nội trú		413,815,000	
8	Trung tâm Văn hóa TTTT và DL huyện		73,320,000	
9	Nâng cấp, cải tạo đường GT xã Thanh Lâm đi xã Thanh phong		9,700,000,000	
10	Xây dựng CT cầu trần liên hợp Công Nhân, thôn hợp Thành, xã Bình Lương		4,700,000,000	
11	Sửa chữa, cải tạo đường GT từ thôn Đồng Sán đi thôn Hón Tinh, Thanh Sơn		17,000,000,000	
12	Xử lý khẩn cấp đường GT thị trấn Yên Cát (Nối giữ đường HCM với đường tỉnh 520D)		17,300,000,000	
13	Cải tạo nâng cấp Trường TH Thanh Phong		8,000,000,000	
14	Cải tạo nâng cấp Trường MN Xuân Bình		6,000,000,000	

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Số tiền	Ghi chú
VI	Kinh phí mua sắm trang thiết bị đã có đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2023		346,827,000	
1	Trường THCS Thượng Ninh		346,827,000	
B	Chuyển nhiệm vụ chi năm 2023 sang năm 2024		23,094,740,820	
I	Chương trình Mục tiêu quốc gia		23,094,740,820	
1	Chương trình Nông thôn mới		200,000,000	
1.1	Vốn sự nghiệp Trung ương		200,000,000	
-	Kinh phí hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn (00493)		200,000,000	
2	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		22,734,270,320	
2.1	Vốn sự nghiệp		22,734,270,320	
-	DA1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (0511)		3,227,000,000	
-	DA3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (00513)		4,520,000,000	
	<i>Tiểu DA2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng cây liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng ĐBDTTS và miền núi</i>		4,520,000,000	
-	DA4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất,, đời sống trong vùng ĐBDTTS và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực dân tộc (00514)		21,450,000	
	<i>Tiểu DA1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất,, đời sống trong vùng ĐBDTTS và miền núi</i>		21,450,000	
-	DA5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (00515)		11,947,291,000	
	<i>Tiểu DA2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng DTTS và MN</i>		295,125,000	
	<i>Tiểu DA3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN</i>		11,652,166,000	
-	DA6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch (00516)		440,000	
-	DA7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (00517)		986,000,000	
-	DA8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (00518)		534,280,000	
-	DA9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (00519)		338,005,488	
-	DA10: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người uy tín (00521)		1,159,803,832	
+	<i>Tiểu DA1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người uy tín; Phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; Truyền thông phục vụ tổ chức triển khai đề án tổng thể</i>		845,803,832	
+	<i>Tiểu DA2: ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KTXH và đảm bảo ANTT</i>		176,000,000	
+	<i>Tiểu DA3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình</i>		138,000,000	
3	Chương trình giảm nghèo		160,470,500	
3.1	Vốn sự nghiệp		160,470,500	

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Số tiền	Ghi chú
-	DA2: Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo (00472)		46,000,000	
-	DA3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (00473)		88,964,500	
	<i>Tiểu DA1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</i>		404,000	
	<i>Tiểu DA2: Cải thiện dinh dưỡng</i>		88,560,500	
-	DA6: Truyền thông, giảm nghèo về thông tin (00476)		69,000	
	<i>Tiểu DA1: giảm nghèo về thông tin</i>		69,000	
-	DA4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (00474)		25,437,000	
	<i>Tiểu DA1: Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn</i>		25,437,000	